

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT:	DV-141/26-XNDV-TTH
Tên gói thầu:	Bảo trì cầu cảng: “Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng (không bao gồm cầu cảng số 5 và 6)
Dự án:	Bảo trì cầu cảng: “Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng (không bao gồm cầu cảng số 5 và 6)
Phát hành ngày:	25/06/2026
Ban hành kèm theo Quyết định:	980/TMDV

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. PHỤ LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

Phần 4. PHỤ LỤC

- Yêu cầu kỹ thuật
- Danh mục/ Phạm vi cung cấp
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1 Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có thẩm quyền, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu</p>

thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:

a) Nội dung Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai, kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có

	<p>giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL. d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro; đ) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống; e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT. <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật; c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng</p> <p>Phần 4. Phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp</p>

	<p>bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (mẫu biểu và file đính kèm). Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được Chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.7. Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn</p>

	ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:</p> <p>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSĐXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền trực tiếp thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	<p>12.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>12.3. Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định, giá dự thầu không được vượt quá chi phí thực hiện gói thầu quy định tại E-BDL.</p>
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-</p>

HSDT	HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
18. Mở E-HSĐXKT	<p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSDXKT</p>	<p>19.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSDXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá về tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên form mẫu và trong tài liệu đính kèm. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, giá cố định hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá. - Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.
<p>20. Mở E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thông báo mời thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở hồ sơ đề xuất về tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>); - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>21.3. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp</p>

	<p>đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại E-BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian – (Không áp dụng)</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt về số lượng, khối lượng của từng nội dung thuộc chi phí khác cho chuyên gia nêu tại Mẫu số 13 Chương IV so với nội dung tương ứng thuộc đề xuất kỹ thuật thì số lượng, khối lượng thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc hiệu chỉnh sai lệch.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu – (Không áp dụng)</p>	<p>25.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi: Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>25.2. Cách tính ưu đãi: Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>25.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số</p>

	<p>10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyên nhượng thầu”.</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.2. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Báo cáo đánh giá E-HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>27.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng; b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; c) Tiến độ; d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có); đ) Bố trí điều kiện làm việc; e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà

	<p>thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.</p> <p>27.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>28.5. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy</p>

	<p>định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm (không áp dụng)</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>32.1. Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện,</p>

	<p>ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p> <p>32.2. Phương thức ký hợp đồng với chữ ký điện tử quy định tại E-BDL.</p>
<p>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu Bên mời thầu không nhận được văn bản chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư là: Xí nghiệp dịch Vụ Cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV) thuộc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro).
E-CDNT 1.2	<p>Bảo trì cầu cảng: “Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng (không bao gồm cầu cảng số 5 và 6).</p> <p>Đơn hàng số: DV-2068/26-XNDV-TTH</p> <p>Tên dự án: Bảo trì cầu cảng: “Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng (không bao gồm cầu cảng số 5 và 6).</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: 01</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Lô 09-1
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: - Chủ đầu tư: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro. Địa chỉ chủ đầu tư: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh. - Bên mời thầu: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro. Địa chỉ bên mời thầu: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh. <p>Trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)] ; + Tư vấn thẩm định giá: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn lập, thẩm định HSMT: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn đánh giá E -HSDT: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)*.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau

	<p>không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> <p>"Tỷ lệ sở hữu vốn" = $\sum_{(i=1)}^n [(X_i \times Y_i)]$</p> <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>*Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp"</p>
E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi HSMT trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	<p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành.
E-CDNT 10.3	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu.
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu.
E-CDNT 12.3	Chi phí thực hiện gói thầu: 316.980.000 VNĐ
E-CDNT 14.3	Không áp dụng.
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 90 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: <i>Giá thấp nhất cho cả gói thầu.</i>
E-CDNT 21.3	Xếp hạng nhà thầu: <i>nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp thứ nhất</i> ".
E-CDNT 23.5	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 05 ngày, kể từ ngày có thời

	điểm đóng thầu.
E-CDNT 25.1	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): <i>Không áp dụng.</i>
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: <i>Không áp dụng.</i>
E-CDNT 28.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).
E-CDNT 31	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%.
E-CDNT 32.2	Nhà thầu cung cấp thông tin về chữ ký điện tử (nếu có) theo mẫu số 16 tại Chương IV.
E-CDNT 33.2	Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.2	- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Đỗ Mạnh Hà – Giám đốc Xí nghiệp dịch Vụ Cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV) thuộc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro); Địa chỉ: 67 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại: 0254 3839871. Ex: 3443; Fax: 0254-3554097. - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Không áp dụng.
E-CDNT 35	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Ông Đỗ Mạnh Hà – Giám đốc Xí nghiệp dịch Vụ Cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV) thuộc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro); Địa chỉ: 67 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại: 0254 3839871. Ex: 3443; Fax: 0254-3554097.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.
Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Vi dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);
2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong điều khoản tham chiếu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;
5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo Tiêu chí đánh giá kỹ thuật quy định tại Phần 4- CÁC PHỤ LỤC

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

3.1 Đối với phương pháp giá thấp nhất ¹ (áp dụng)

Xác định giá thấp nhất:

- Xác định giá dự thầu;
- Hiệu chỉnh sai lệch hay sửa lỗi nếu có (nếu có);
- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT	Webform và Scan đính kèm lên Hệ thống		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu			X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc			X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X

E-HSDXTC				
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC	Webform và Scan đính kèm lên Hệ thống		X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			X
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia			X
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X
16	Mẫu số 15. Tổng hợp chi phí			X
17	Mẫu số 16. Mẫu cung cấp thông tin và cam kết của nhà thầu			X

Mẫu số 01 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói

Mẫu số 01

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Bảo trì cầu cảng: “Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng (không bao gồm cầu cảng số 5 và 6)		

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4): Tham chiếu theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).

Mẫu số 02 (Theo Webform)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(trích xuất từ hệ thống)

(thuộc E-HSĐXKT)

Mẫu số 03 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày __ tháng __ năm ____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]
Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ² _____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2013 của Quốc hội];

Căn cứ³ _____ [Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày __ tháng __ năm __ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số __ ngày __ tháng __ năm __ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên của liên danh sẽ tham gia ký kết hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký kết thì thành viên đó bị xử lý như sau:
 - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
 - Cùng các thành viên trong liên danh bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng (tương ứng theo tỷ lệ của từng thành viên

- đã quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này);
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁴:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT, sửa đổi, thay thế E-HSDT;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 2 dưới đây;
- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể theo bảng dưới đây⁵:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên thứ nhất (thành viên đứng đầu liên danh)	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3: _____	_____ %	_____ VNĐ/USD
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3 _____	_____ %	_____ VNĐ/USD
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	_____ VNĐ/USD

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

-Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

-Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ___ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ___ [*ghi tên dự án*] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản, mỗi bên giữ ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

¹Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

²Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

³Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

⁴Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

⁵Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____[Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện)	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

Đại diện nhà thầu

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Đại diện nhà thầu
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

Đại diện nhà thầu

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

Mẫu số 07 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Vi dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: {liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được}

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Đại diện nhà thầu
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I	Nhân sự chủ chốt ³								
1	Nguyễn Văn A		[Theo vị trí nêu tại Biểu 3 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				
					[Thực địa]				
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điếm]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				
					[Thực địa]				
2				[Công ty]				
					[Thực địa]				
	Số công nhân sự khác								

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 BDL.
- (2) Hạng mục công việc theo Mẫu số 08.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

Đại diện nhà thầu

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

Mẫu số 10 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾ (không áp dụng)

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSĐT.

Đại diện nhà thầu
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXTC)

Mẫu số 12 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*) (không áp dụng)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Theo Mẫu số 09]	[Theo Mẫu số 09]	Công ty	[Từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	(b)	
2		Công ty				
			Thực địa				
II	Nhân sự khác						
1	[Theo Mẫu số 09]	[Theo Mẫu số 09]	Công ty	[Từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]		
2		Công ty				
			Thực địa				
Tổng cộng							(A)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Từ Mẫu số 09.
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để có thông tin vào cột này.
- Cột (6) (7): Nhà thầu tự tính

Mẫu số 12A (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (không áp dụng)

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7) +(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

Mẫu số 13 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA (không áp dụng)					
STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 14 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 15 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ (không áp dụng)

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Mục A, B, M: Từ Mẫu 12, 13, 14

Tổng Chi phí: Bằng giá dự thầu trong đơn đề xuất về tài chính

Mẫu số 16. Mẫu cung cấp thông tin và cam kết của nhà thầu
(Scan đính kèm trên Hệ thống)

CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XÁC NHẬN PHƯƠNG THỨC KÝ ĐIỆN TỬ/CHỮ KÝ SỐ
(Dành cho Nhà thầu)

Kính gửi: **Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro**

Bằng công văn này, [Tên công ty] (“Nhà thầu”) cung cấp các thông tin sau đây để phục vụ cho việc ký kết các thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản khác được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu (“Hợp đồng điện tử” hay “Hợp đồng”) phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu lực pháp lý đầy đủ cho các Hợp đồng điện tử với Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro.

I. THÔNG TIN NHÀ THẦU/ĐỐI TÁC

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh:
4. Địa chỉ trụ sở chính:
5. Điện thoại: Fax:
6. Email giao dịch chính thức:

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

1. Họ và tên:
2. Chức danh:
3. Giấy tờ pháp lý (CMND/CCCD/Hộ chiếu):
 - o Số: Ngày cấp:/...../.....
 - o Nơi cấp:
4. Email: Số điện thoại:

III. THÔNG TIN NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN KÝ ĐIỆN TỬ/CHỮ KÝ SỐ

(Chỉ khai nếu khác với người đại diện theo pháp luật)

1. Họ và tên:
2. Chức danh:
3. Bộ phận/phòng ban:
4. Email công việc dùng để nhận thông báo/hợp đồng:
5. Số điện thoại:
6. Căn cứ ủy quyền:
 - o Số, ngày văn bản ủy quyền:

Kèm theo văn bản ủy quyền có hiệu lực và phạm vi ủy quyền rõ ràng.

IV. PHƯƠNG THỨC KÝ ĐIỆN TỬ/CHỮ KÝ SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG

1. Đối với chữ ký số (nếu có):

- Loại chữ ký số:
 - Chữ ký số công cộng (USB Token)
 - Chữ ký số từ xa (VNPT SmartCA, Viettel-CA, ...)
- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số (CA):
- Số sê-ri chứng thư số:
- Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../.....

V. CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU/ĐỐI TÁC

Chúng tôi, nhà thầu [Tên Công ty], xin cam kết:

1. Về tính chính xác thông tin

- Tất cả thông tin nêu trên là đúng, đầy đủ và hợp pháp tại thời điểm ký Đơn này;
- Mọi thay đổi sẽ được Nhà thầu thông báo bằng văn bản cho Vietsovpetro trong thời gian ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi, và trước thời điểm ký kết Hợp đồng kế tiếp.
- Trường hợp Nhà thầu không thông báo kịp thời, mọi Hợp đồng điện tử được ký trên cơ sở thông tin mà Nhà thầu đã cung cấp trước đó vẫn có giá trị pháp lý và ràng buộc Nhà thầu.

2. Về việc sử dụng và quản lý phương thức ký điện tử/chữ ký số

- Nhà thầu tự tổ chức việc quản lý, bảo mật tài khoản, thiết bị, khóa bí mật, mã OTP, email và các phương tiện xác thực khác dùng để ký Hợp đồng điện tử;
- Mọi giao dịch, Hợp đồng điện tử được thực hiện thông qua tài khoản/phương thức ký nêu trên được coi là do Nhà thầu thực hiện, trừ trường hợp trước thời điểm ký kết Hợp đồng Nhà thầu đã thông báo bằng văn bản cho Vietsovpetro về việc tài khoản/phương tiện ký bị mất, lộ, chiếm đoạt và yêu cầu ngừng sử dụng.

3. Về giá trị pháp lý của việc ký điện tử/chữ ký số

- Nhà thầu chấp thuận rằng:
 - Chữ ký số hợp lệ (còn hiệu lực chứng thư số, không bị thu hồi/tạm dừng theo quy định pháp luật) của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của Nhà thầu trên Hợp đồng điện tử với Vietsovpetro có giá trị pháp lý như chữ ký tay của người đại diện có thẩm quyền trên hợp đồng giấy;
- Nhà thầu không phủ nhận giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử chỉ vì:
 - Hợp đồng được thể hiện, ký, gửi hoặc lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu;
 - Việc ký được thực hiện trên bất kỳ nền tảng, phần mềm, hệ thống ký số nào, trong đó có hệ thống eOffice của Vietsovpetro;
 - Nhà thầu thay đổi người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền, con dấu, hoặc tài khoản/phương tiện ký bị mất, lộ, chiếm đoạt nhưng không thông báo kịp thời.

4. Về tuân thủ pháp luật

- Nhà thầu cam kết tuân thủ và duy trì tuân thủ các điều kiện pháp luật về sử dụng chữ ký điện tử/chữ ký số, dịch vụ chứng thực, giao dịch điện tử trong suốt thời gian giao kết và thực hiện Hợp đồng với Vietsovpetro.

Đơn này được lập dưới dạng **thông điệp dữ liệu/văn bản giấy**, có giá trị kể từ ngày ký và được áp dụng cho tất cả các Hợp đồng điện tử giữa [Tên Nhà thầu] và Vietsovpetro, cho đến khi có văn bản thay thế hoặc hủy bỏ.

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NHÀ THẦU

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU
CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 17. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Mẫu số 18. Biểu mẫu hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Người thực hiện chọn biểu mẫu hợp đồng phù hợp từ kho dữ liệu của VSP)

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro xin thông báo LD Quý Công ty trúng thầu: ... - Gói thầu số ... , với các nội dung chính như sau:

- Phạm vi cung cấp: ...*
- Giá giá trị trúng thầu: ...*
- Thời gian thực hiện hợp đồng: ...*

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày công văn này, đề nghị Quý công ty gửi công văn xác nhận về nội dung nêu trên.

Trân trọng!

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Biểu mẫu hợp đồng

(Người thực hiện chọn biểu mẫu hợp đồng phù hợp từ kho dữ liệu của VSP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số:/26/VSP-05/XNDV-.....

(Đơn hàng số DV-2068/26-XNDV-TTH)

*Về việc “**Bảo trì cầu cảng: “Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng (không bao gồm cầu cảng số 5 và 6)”**”.*

Căn cứ vào khả năng cung cấp của Công ty TNHH và nhu cầu của Xí nghiệp Dịch Vụ Cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV) thuộc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro;

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, các bên gồm:

LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO (Gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ : 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 0254-3839871 Fax: 0254-3839857
Mã số thuế : 3500102414
Tài khoản số : 0081000003080
Tại Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu
Do Ông : **Đỗ Mạnh Hà** – Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Cảng và Cung ứng vật tư thiết bị (XNDV) thuộc LD Việt - Nga Vietsovpetro làm đại diện theo Giấy ủy quyền số: 120/UQ-PL ngày 06/01/2026.

CÔNG TY - (Gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ :
Điện thoại :
Mã số thuế :
Tài khoản số :
Tại Ngân hàng :
Do Ông : – Chức vụ: làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1.1 Theo yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ thực hiện dịch vụ tư vấn **Bảo trì cầu cảng: “Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng (không bao gồm cầu cảng số 5 và 6) Lô 09-1** (sau đây gọi tắt là “Dịch vụ”) theo yêu cầu như đã nêu trong Phụ lục 01- Phạm vi công việc, và được yêu cầu chi tiết theo Phụ lục 02 – Yêu cầu kỹ thuật và phạm vi công việc của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THAY ĐỔI NỘI DUNG CÔNG VIỆC

2.1 Bên A có thể thay đổi một phần hoặc bổ sung nội dung Công việc bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo trước cho Bên B bằng văn bản. Sau khi có thông báo bằng văn bản của Bên

- A, Bên B sẽ cùng Bên A thảo luận và lập biên bản thay đổi nội dung Công việc trước khi tiến hành Công việc thay đổi liên quan, đồng thời:
- 2.1.1 Bên B sẽ tính toán các thay đổi về chi phí và thời gian thực hiện Công việc khi thay đổi nội dung của Công việc;
 - 2.1.2 Hai bên sẽ xem xét những điều khoản của Hợp đồng có thể ảnh hưởng bởi các thay đổi này.
 - 2.2 Biên bản như đã nêu tại Điều 2.1 về sự thay đổi phải được người có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận và được xem như một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
 - 2.3 Bên B chỉ thực hiện công việc thay đổi liên quan sau khi Đại diện có thẩm quyền của Bên A đã đồng ý và ký xác nhận vào biên bản về thay đổi nội dung công việc.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 3.1 Thời gian dự kiến thực hiện dịch vụ: Tổng thời gian thực hiện công việc tính từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng cho Bên B (Biên bản bàn giao mặt bằng theo mẫu tại Phụ lục số 03 của Hợp đồng) cho đến khi Bên B nộp các Báo cáo kết quả quan trắc cuối cùng cho Bên A là **25 ngày** (không bao gồm ngày Bên A phê duyệt Báo cáo).

Tiến độ thực hiện công việc cụ thể như sau:

- Bên B chuẩn bị, huy động phương tiện, nhân sự, thiết bị đến hiện trường. Hai bên tiến hành bàn giao mặt bằng và ký Biên bản bàn giao mặt bằng (theo mẫu tại Phụ lục số 03 của Hợp đồng): trong vòng **05 ngày** kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
 - Bên B thực hiện công tác quan trắc tại hiện trường: hoàn thành trong vòng **05 ngày** kể từ ngày hai bên ký Biên bản bàn giao mặt bằng.
 - Bên B xử lý số liệu, lập và trình báo cáo kết quả quan trắc sơ bộ để Bên A xem xét, cho ý kiến chỉnh sửa: hoàn thành trong vòng **15 ngày** kể từ ngày hai bên ký Biên bản bàn giao mặt bằng.
 - Bên A xem xét, cho ý kiến chỉnh sửa báo cáo kết quả quan trắc: trong vòng **05 ngày** kể từ ngày nhận báo cáo kết quả quan trắc từ Bên B.
 - Bên B chỉnh sửa và nộp báo cáo kết quả quan trắc để Bên A xem xét, phê duyệt: trong vòng **05 ngày** sau khi nhận được ý kiến nhận xét của Bên A.
 - Bên A xem xét, phê duyệt báo cáo kết quả quan trắc: trong vòng **_ ngày** kể từ ngày nhận được báo cáo cuối cùng của Bên B.
- 3.2 Sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo quy định tại Điều 1.1 và 3.1 Hợp đồng và bàn giao đầy đủ hồ sơ theo quy định (mục 9.2 - Yêu cầu kỹ thuật), hai Bên sẽ tiến hành lập Biên bản nghiệm thu (theo mẫu tại Phụ lục 04) để làm cơ sở thanh toán Hợp đồng; trong đó ghi rõ số lượng và chất lượng dịch vụ cụ thể.
 - 3.3 Bên A (ủy quyền cho Cảng trưởng, Trưởng P.KTVT thuộc Xí nghiệp Dịch vụ cảng và Cung ứng Vật tư Thiết) bị kiểm tra và xác nhận Biên bản nghiệm thu. Biên bản nghiệm thu phải được lãnh đạo XNDV phê duyệt.
 - 3.4 Địa điểm thực hiện: Bến cảng Vietsovpetro, số 69 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh.

ĐIỀU 4. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1 Loại Hợp đồng: Trọn gói.
- 4.2 Tổng giá trị dự tính của Hợp đồng là: **VNĐ**
(*Bằng chữ:*), trong đó:
 - Giá trị dịch vụ: VNĐ
 - Thuế GTGT (%): VNĐ

Giá trị hợp đồng nêu trên được tính trên cơ sở thực hiện dịch vụ tại XNDV, bao gồm giá trị dịch vụ và toàn bộ chi phí khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này. Giá trị dịch vụ nêu trên là cố định và không thay đổi trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Thuế

GTGT là tạm tính và có thể thay đổi theo quy định của Nhà nước tại thời điểm phát hành hóa đơn.

4.3 Điều kiện thanh toán:

- 4.3.1 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị hóa đơn dịch vụ thực hiện, bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ gồm:
- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B (bản gốc);
 - Hóa đơn thuế GTGT (01 bản gốc);
 - Báo cáo kết quả quan trắc được Bên A chấp thuận, phê duyệt theo quy định tại Điều 3.1 (bản gốc);
 - Biên bản nghiệm thu theo quy định tại Điều 3.2, 3.3 (bản gốc);
 - Các chứng từ khác liên quan đến Công việc (nếu có).
- 4.3.2 Hồ sơ thanh toán sẽ được gửi cho Bên A theo địa chỉ sau:
- Xí nghiệp dịch Vụ Cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV) thuộc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro
 - Địa chỉ: số 44 đường 30/4, phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 84-254-3839871 & Fax: 84-254-3839857

4.1 Số tài khoản giao dịch theo hợp đồng này của Bên B theo trang 1 của hợp đồng này.

4.2 Phí chuyển tiền do Bên A chịu.

4.3 Trong trường hợp có sự sai sót, mâu thuẫn hoặc khiếm khuyết trong các văn bản hồ sơ chứng từ, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ hồ sơ chứng từ thanh toán. Bên B trong vòng 15 ngày phải hiệu chỉnh, sửa đổi lại cho phù hợp và thời gian thanh toán đương nhiên được kéo dài thêm tương ứng với thời gian và tiến độ thanh toán quy định trong hợp đồng.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1 Trách nhiệm của Bên A (ủy quyền cho Cảng trưởng, Trưởng Phòng VTKT)

- Hỗ trợ cho Bên B những công việc sau:
 - + Cung cấp, bàn giao số liệu, vị trí của các mốc khống chế tọa độ, cao độ trong khu vực bến cảng Vietsovpetro cho Bên B.
 - + Giải phóng mặt bằng, di chuyển các phương tiện ra khỏi khu vực làm việc để cho Bên B thực hiện công việc.
- Giám sát và kiểm tra trong quá trình Bên B làm công việc dịch vụ:
 - + Được quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát nhà thầu bất kỳ thời điểm hoặc giai đoạn nào của công việc dịch vụ.
 - + Có quyền tạm hoãn hoặc đình chỉ công việc của nhà thầu, khi nhận thấy các mối nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho người và thiết bị hoặc nhà thầu không tuân thủ theo quy trình đã đệ trình và được sự phê duyệt của chủ đầu tư.

5.2 Trách nhiệm của Bên B:

5.2.1 Lập phương án kỹ thuật quan trắc, khảo sát:

Bên B có trách nhiệm lập Phương án kỹ thuật quan trắc với các nội dung như dưới đây trình Bên A xem xét, phê duyệt:

- Cơ sở lập Phương án kỹ thuật quan trắc;
- Thành phần, khối lượng công tác quan trắc: Nêu phạm vi và khối lượng công việc theo Yêu cầu kỹ thuật;
- Phương tiện, thiết bị huy động: Đưa ra danh mục các phương tiện, thiết bị sử dụng trong

đó ghi rõ tên gọi, số lượng, chủng loại và mục đích sử dụng;

- Danh mục tiêu chuẩn áp dụng;
- Phương pháp, quy trình thực hiện: Đưa ra các phương pháp, quy trình cho từng công việc từ hiệu chuẩn thiết bị tại hiện trường, đo lún công trình, đo dịch chuyển ngang công trình, các phương pháp xử lý số liệu đo, phương pháp tính toán thông số độ lún, phương pháp tính toán dịch chuyển ngang.
- Tổ chức thực hiện và biện pháp kiểm soát chất lượng của Bên B: Bên B lập sơ đồ tổ chức thực hiện công việc với đầy đủ các vị trí chủ chốt như Chủ nhiệm Dự án; phụ trách công tác quan trắc hiện trường, xử lý số liệu; công tác lập báo cáo kết quả quan trắc;
- Tiến độ thực hiện: Lập tiến độ chi tiết từ công tác chuẩn bị, huy động nhân sự, thiết bị đến hiện trường, thực hiện công tác khảo sát tại hiện trường, xử lý số liệu, đo dịch chuyển ngang và lập báo cáo kết quả quan trắc, khảo sát;
- Lập biện pháp bảo đảm an toàn cho nhân sự, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực khảo sát; Biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường.

5.2.2 Công tác bảo đảm an toàn:

•An toàn chung:

- Công tác quan trắc, khảo sát thực hiện trên các công trình cầu cảng do vậy khi thực hiện cần có kế hoạch, biện pháp hợp lý và đề phòng, tránh sai sót làm ảnh hưởng tới điều kiện khai thác của Cảng đồng thời đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trên Cảng.
- Tất cả nhân sự của nhà thầu thực hiện công việc tại hiện trường phải trang bị bảo hộ lao động phù hợp và đầy đủ đề phòng tai nạn, thực hiện các biện pháp an toàn lao động theo đúng quy định tại Quy định về Quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường đối với các nhà thầu, tài liệu số VSP-000-ATMT-448 rev.5 do Vietsovpetro ban hành
- Tuân thủ tất cả các nội quy, quy định của Bến cảng Vietsovpetro, Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trong công tác khảo sát, bảo trì cảng.

•An toàn bảo đảm bảo đảm vệ sinh môi trường:

- Các rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại phát sinh trong quá trình quan trắc, khảo sát, cần được thu gom vào thùng có nắp đậy tránh ô nhiễm và tuyệt đối không được thải trực tiếp xuống vùng nước trước bến.

•Biện pháp phòng chống cháy nổ:

- Các thiết bị quan trắc, khảo sát phải được sắp xếp một cách gọn gàng, khoa học thuận lợi cho việc thực hiện ngoài hiện trường.
- Trong quá trình quan trắc, khảo sát tuyệt đối tuân thủ các quy định về Phòng chống cháy nổ của Bến cảng Vietsovpetro.

•Công tác chuẩn bị:

- Huy động đầy đủ phương tiện, thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công việc quan trắc.
- Huy động đầy đủ nhân sự và các nhân sự phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết theo quy định để tiến hành công việc.

•Các cam kết khác:

- Quá trình khảo sát cần có sự phối hợp chặt chẽ với Vietsovpetro, XNDV để kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện công việc

ĐIỀU 6. BẢO HIỂM

- 6.1 Bên B có trách nhiệm mua và duy trì đơn bảo hiểm trong suốt thời hạn thực hiện Công việc dịch vụ của hợp đồng cho con người, tài sản của bên B phù hợp với luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế.
- 6.2 Bên A đảm bảo cho Bên B và người của Bên B được miễn trách trước các cơ quan pháp luật và không phải bồi hoàn bất kỳ một khoản chi phí (kể cả chi phí pháp lý) nào đối với những hư hỏng, mất mát, thương tật, tử vong hay mất tích đối với người và tài sản của Bên A với bất kỳ nguyên nhân gì kể cả do lỗi của Bên B (ngoại trừ do lỗi cố ý của Bên B) trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này.
- 6.3 Bên B có trách nhiệm bảo quản và trông coi máy móc, vật tư, trang thiết bị, tài sản của Bên A bàn giao cho Bên B trong suốt quá trình thực hiện, đồng thời Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi tổn thất, thiệt hại đối với tài sản của Bên A nếu do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thực hiện hợp đồng mà những tổn thất, thiệt hại đó không thuộc phạm vi bảo hiểm hoặc dưới mức miễn thường theo các đơn bảo hiểm của Bên A.
- 6.4 Bên B đảm bảo cho Bên A và người của Bên A được miễn trách trước các cơ quan pháp luật và không phải bồi hoàn bất kỳ một khoản chi phí (kể cả chi phí pháp lý) nào đối với những hư hỏng, mất mát, thương tật, tử vong hay mất tích đối với người và tài sản của Bên B với bất kỳ nguyên nhân gì kể cả do lỗi của Bên A (ngoại trừ do lỗi cố ý của Bên A) trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này.
- 6.5 Hai bên cam kết không bên nào chịu trách nhiệm đối với bên kia và cả hai bên đồng ý biện hộ, bảo vệ và đảm bảo cho bên kia được miễn trách đối với tất cả những thiệt hại mang tính hậu quả phát sinh hay có liên quan đến việc thực hiện hay không thực hiện hợp đồng này.

ĐIỀU 7. QUYỀN SỞ HỮU VÀ BẢO MẬT

- 1.1 Bên B hiểu rằng tất cả các “Thông tin” đã biết và thu được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này luôn là tài sản có giá trị lớn của Bên A. Tất cả các “Thông tin” này sẽ không được tiết lộ cho bất cứ Bên thứ ba nào nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. “Thông tin” ở điều này có nghĩa là tất cả các thông tin, tin tức, số liệu, tài liệu, báo cáo, dưới bất kỳ một dạng diễn đạt nào liên quan đến Hợp đồng này.
- 1.2 Bên B đảm bảo sẽ không sử dụng những “Thông tin” này bằng bất cứ cách nào xuất phát từ mục đích tư lợi ngoại trừ được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- 1.3 Nghĩa vụ bảo mật “Thông tin” không áp dụng trong trường hợp:
 - 1.3.1 Thông báo công khai là thông tin công cộng;
 - 1.3.2 Thông tin đó được xuất phát từ Bên thứ ba (ngoại trừ Đại diện của Bên A) mà Bên đó làm việc đó một cách hợp pháp nhưng những thông tin đó không phải xuất phát từ Bên A hoặc;
 - 1.3.3 Yêu cầu phải tiết lộ từ cơ quan hành chính hoặc cơ quan tài phán Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.
- 1.4 Điều khoản này sẽ tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng đã kết thúc.
- 1.5 Bản quyền của các tài liệu, báo cáo, hình vẽ và các thông tin khác chuẩn bị bởi Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng hoặc là kết quả của việc thực hiện Hợp đồng sẽ là tài sản riêng của Bên A.
- 1.6 Bên A đảm bảo không cung cấp hoặc không tiết lộ thông tin, kỹ thuật và công nghệ trong hoạt động sản xuất của Bên B cho Bên thứ ba.

Điều 8. PHẠT CHẬM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1 Nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện Công việc không đạt yêu cầu như quy định của Hợp đồng này, thì Bên B sẽ chịu phạt 08% giá trị phần Hợp đồng không thực hiện hoặc thực hiện không đạt yêu cầu.
- 8.2 Nếu chậm trễ thời hạn bắt đầu thực hiện công việc theo yêu cầu của Bên A, hoặc chậm trễ thời hạn hoàn thành công việc và nghiệm thu công việc theo Hợp đồng này do lỗi của Bên B, thì Bên B chịu phạt theo mức:

- 0,2 %/ ngày giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm cho 10 ngày lịch đầu tiên.
- 0,3%/ ngày giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm cho những ngày làm việc tiếp theo.

Tổng số tiền phạt chậm không vượt quá 8% tổng giá trị Hợp đồng.

- 8.3 Nếu Bên B thực hiện Công việc chậm quá 02 tháng (60 ngày lịch) so với yêu cầu của Bên A theo Hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm.
- 8.4 Trong mọi trường hợp, tổng giá trị tiền phạt do vi phạm hợp đồng không được vượt quá 8% giá trị của hợp đồng (Giá trị phạt là giá trị hợp đồng không bao gồm thuế GTGT).
- 8.5 Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền: (1) khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai bên; (2) Yêu cầu Ngân hàng cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền Bên B mở bảo lãnh cho Bên A; (3) Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 8.6 Trường hợp sau đây Bên A không được phạt chậm:
- Bất khả kháng theo quy định tại Điều 9.
 - Bất kỳ sự chậm trễ nào được chấp thuận bởi Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
 - Trong khi thực hiện công việc bất cứ thời gian chậm trễ được ghi nhận bằng văn bản do chờ Bên A cung cấp tài liệu liên quan cần thiết cho công việc.
- 8.7 Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất), dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt.
- 9.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia biết và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc vi phạm hợp đồng.
- 9.3 Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 9.4 Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng này thì thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.
- 9.5 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho bên kia.
- 9.6 Bên không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng phải ngay lập tức thông báo cho bên kia biết. Việc thông báo chậm hơn 10 ngày sau khi bất khả kháng xảy ra làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.

ĐIỀU 10. TẠM NGỪNG/CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 10.1 Phụ thuộc vào các quy định tại Điều 10.2 dưới đây, không bên nào có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
- 10.2 Tạm ngừng và chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- 10.2.1 Bên A có thể tạm ngừng các hoạt động của Bên B liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này tại bất cứ thời điểm nào nếu Bên A phát hiện ra Bên B có lỗi gây ảnh hưởng đến chất lượng và thời hạn thực hiện công việc.
- 10.2.2 Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào nếu Bên B gây ảnh hưởng đến chất lượng và thời hạn thực hiện công việc và trong trường hợp Bên B có lỗi nhưng không khắc phục các lỗi đó theo yêu cầu của Bên A trong vòng 04 tuần kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên A.
- 10.2.3 Trong trường hợp Bên A yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, Bên B có quyền đề nghị Bên A thanh toán theo quy định tại Điều 4 và Phụ lục 1 của Hợp đồng đối với phần công việc đã được Bên B thực hiện và Bên A chấp nhận cho tới thời điểm chấm dứt.

ĐIỀU 11. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG (không áp dụng)

- 11.1 Trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày ký hợp đồng (ghi tại trang 01 của hợp đồng), Bên B phải nộp giấy Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Phụ lục__ của hợp đồng này). Bảo lãnh được cấp bởi Ngân hàng / Chi nhánh Ngân hàng hoạt động hợp pháp. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 03% tổng giá trị hợp đồng.
Giấy bảo đảm này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện hợp đồng quy định tại mục 3.1 hợp đồng này cộng thêm 60 ngày lịch.
- 11.2 Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành bảo đảm thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.
- 11.3 Trong thời gian quy định tại Mục 11.1 nêu trên, Bên B không nộp bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho bên A thì hợp đồng này sẽ không có hiệu lực và bên A sẽ tịch thu bảo đảm dự thầu của Bên B.
- 11.4 Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối/không thực hiện hợp đồng sau khi ký hợp đồng.
- 11.5 Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 11.6 Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo đảm này vì lý do chậm thực hiện hoặc gia hạn thời hạn thực hiện, đồng thời gửi cho Bên A Bảo đảm thực hiện hợp đồng đã gia hạn hiệu lực (bản gốc) chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi Bảo lãnh cũ hết hiệu lực.
Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu gia hạn bằng văn bản của Bên A, nếu Bên B không thực hiện hoặc chậm thực hiện gia hạn hiệu lực bảo lãnh thực hợp đồng thì Bên B sẽ chịu phạt 0,2% giá trị bảo đảm tương ứng/ mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt này không vượt quá 8% giá trị bảo lãnh tương ứng. Thu hồi khoản tiền phạt vi phạm này thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 12.1 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai bên trên tinh thần hợp tác, hai bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.
- 12.2 Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Tòa án có thẩm quyền tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết. Số lượng trọng tài viên là người. Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai bên phải tuân thủ. Bên thua kiện phải chịu phí trọng tài.

ĐIỀU 13: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 13.1 Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 13.2 Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên hoặc bằng văn thư có sự đồng thuận của cả hai bên.

Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo đường bưu chính hoặc theo số Fax tới địa chỉ đăng ký hoặc số Fax của mỗi Bên ghi trong hợp đồng.

- 13.3 Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.
- 13.4 Hợp đồng, tài liệu dẫn chiếu và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
- (1) Văn bản hợp đồng (kèm theo các Phụ lục hợp đồng);
 - (2) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
 - (3) Thư thông báo trúng thầu;
 - (4) Báo cáo phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - (5) E-Hồ sơ dự thầu của Bên B;
 - (6) E-Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu;
- 13.5 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi các Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định trong Hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện và hiệu lực hợp đồng, hai Bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản.
- 13.6 Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, nếu hai bên không có khiếu nại gì coi như hợp đồng đã được thanh lý.
- 13.7 Hợp đồng gồm ____ trang và 04 Phụ lục, được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐỖ MẠNH HÀ
GIÁM ĐỐC XNDV

PHỤ LỤC SỐ 01**PHẠM VI CÔNG VIỆC, ĐƠN GIÁ VÀ TỔNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

STT	Tên dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	Quan trắc chuyên vị cầu cảng thông quan hệ thống mốc quan trắc				
1	Kiểm tra tọa độ các mốc quan trắc, lưới đường chuyên cấp 2, địa hình cấp III (xây dựng lại các mốc quan trắc bị hư hỏng, thất lạc) – Không bao gồm cầu cảng số 5, 6. Khối lượng được lấy theo số lượng điểm quan trắc xây dựng trên cầu cảng số 0-4, 7-9 khi thực hiện kiểm định định kỳ năm 2017.	Điểm	56		
2	Lưới không chế cao độ kỹ thuật, địa hình cấp III. Tạm tính trên cơ sở khoảng các dẫn truyền từ mốc gốc đến các mốc quan trắc – đo đi và về.	Km	10		
3	Lập báo cáo kết quả quan trắc chuyên vị cầu cảng và các phụ lục, bản vẽ đính kèm báo cáo.	Bộ	04		
Tổng giá trị hợp đồng trước thuế					
Thuế GTGT %					
Tổng giá trị Hợp đồng sau thuế					

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Phụ lục số 02
YÊU CẦU KỸ THUẬT

PHỤ LỤC SỐ 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẶT BẰNG

Gói thầu:.....

Hợp đồng số: /26/VSP-05/XNDV- ký ngày / /

I. Thời gian và địa điểm:

Lúc ... giờ phút ngày tháng năm tại cảng VSP

II. Thành phần tham gia:

1. Đại diện bên A: Liên doanh Việt – Nga VSP

Ông : Chức vụ:

Ông : Chức vụ:

2. Đại diện bên B:

Ông : Chức vụ:

Ông : Chức vụ:

III. Nội dung:

Căn cứ

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số: ký ngày giữa Liên doanh Việt – Nga VSP – XN Dịch vụ Cảng và Cung ứng VTTB và về việc;

- Lệnh sản xuất số ngày tháng năm của về việc
.....

Chúng tôi cùng xem xét, bàn bạc và thống nhất như sau:

1. Bàn giao mặt bằng để thực hiện công việc.....
2. Danh sách nhân lực và máy móc thiết bị (*giấy chứng nhận kiểm định*) đính kèm
3. Trong quá trình thực hiện công việc nếu có vướng mắc thì đơn vị khảo sát đại diện bên A xem xét đề xuất phương án trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt
4. Trong quá trình thực hiện công việc phải tuân thủ các điều khoản cam kết trong hợp đồng và các tài liệu liên quan, lưu ý phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người và các phương tiện thủy khi lưu hành qua khu vực thi công khảo sát đúng theo quy định hiện hành của an toàn về giao thông thủy.
5. Bàn giao mặt bằng khu nước trước cảng VSP để thực hiện công việc theo hợp đồng đã ký kết.

IV. Kết luận:

Hội đồng thống nhất bàn giao mặt bằng thi công khảo sát với các nội dung nêu trên

Đại diện bên A

- Ông :
- Ông :

Đại diện bên B

- Ông:
- Ông:

PHỤ LỤC 04

LD VIET-NGA“ VIETSOVPETRO”
XNDV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Phê duyệt
Lãnh đạo XNDV

Ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

(V/v: _____)

Ngày tháng năm

Đại diện Xí Nghiệp cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV), đại diện gồm :

1 - _____ Chức vụ : _____

2 - _____ Chức vụ : _____

Đại diện (nhà thầu) : _____

1 - _____ Chức vụ : _____

2 - _____ Chức vụ : _____

Trên cơ sở Hợp đồng số _____, ngày _____ về việc _____, đại diện hai bên tiến hành nghiệm thu công việc: _____, với những nội dung chính sau:

I. Nội dung cụ thể được hai bên nhất trí nghiệm thu như sau :

1- Về khối lượng công việc đã thực hiện:

2- Số lượng :

4- Thời gian bảo hành:

II. Nhận xét dịch vụ sửa chữa:

1- Chất lượng công việc:

2- Thời gian thực hiện:

III. Kết luận:

Toàn bộ công việc, dịch vụ được quy định trong Hợp đồng số _____ ký ngày _____ về việc _____ đã được Bên B (Bên B) thực hiện đầy đủ theo quy định của Hợp đồng và đã được chấp nhận bởi XNDV vào ngày _____.

Việc ký Biên bản này không giải phóng Bên B khỏi nghĩa vụ và trách nhiệm của mình về trách nhiệm bảo hành theo quy định tại Điều _____ (Bảo hành) của Hợp đồng.

Đại diện Bên B
(tên công ty / tổ chức)

Đại diện XNDV

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

PHẠM VI CUNG CẤP

STT	Tên dịch vụ	ĐVT	Số lượng
1	Kiểm tra tọa độ các mốc quan trắc, lưới đường chuyên cấp 2, địa hình cấp III (xây dựng lại các mốc quan trắc bị hư hỏng, thất lạc) – Không bao gồm cầu cảng số 5, 6. Khối lượng được lấy theo số lượng điểm quan trắc xây dựng trên cầu cảng số 0-4, 7-9 khi thực hiện kiểm định định kỳ năm 2017.	Điểm	56
2	Lưới khống chế cao độ kỹ thuật, địa hình cấp III. Tạm tính trên cơ sở khoảng các dẫn truyền từ mốc gốc đến các mốc quan trắc – đo đi và về.	Km	10
3	Lập báo cáo kết quả quan trắc chuyên vị cầu cảng và các phụ lục, bản vẽ đính kèm báo cáo.	Bộ	04

YÊU CẦU KỸ THUẬT

GÓI THẦU: CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO TRÌ CẦU CẢNG

“Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng
(Không bao gồm cầu cảng số 5-6)”

1. Mục đích và phạm vi sử dụng:

1.1. Mục đích sử dụng:

- Phù hợp với các quy định về bảo trì công trình hàng hải, Bến cảng Vietsovpetro cần được tiến hành quan trắc chuyển vị cầu cảng để có cơ sở thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa, khắc phục theo Kế hoạch bảo trì cảng đã được phê duyệt.
- Thời hạn sử dụng dự kiến: lâu dài

2. Điều kiện kỹ thuật của đối tượng dịch vụ:

- Toàn bộ 10 cầu cảng được xây dựng bằng bê tông cốt thép, tổng chiều dài là: 1407m, bao gồm 03 bến với 10 cầu cảng. Trên toàn bộ mặt cầu cảng bố trí 59 bích neo tàu cố định.
- Bến thượng lưu (bến liền bờ): Gồm các cầu cảng số 7; 8, 9 với tổng chiều dài là 440,5m, rộng 19,1m.
- Bến Hạ lưu (bến liền bờ): Gồm các cầu cảng số 0; 1; 2; 3; 4 với chiều dài là 721,5 m, rộng 19,1m.
- Bến trung tâm: Gồm các cầu cảng 5; 6 là cầu nhô, mỗi cầu dài 122,7 mét, (trong đó cầu chính dài 100m, rộng 25 mét đường dẫn dài 45m rộng 20 mét).

3. Yêu cầu chung về Dịch vụ:

3.1. Phạm vi công việc:

- Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc đã được xây dựng khi thực hiện kiểm định cho các cầu cảng 0, 1, 2, 3, 4, 7, 8 và 9 (08 cầu cảng, cầu cảng số 5, số 6 không tiến hành quan trắc do đang trong giai đoạn chờ sửa chữa lớn).
- Lập báo cáo kết quả quan trắc chuyển vị cầu cảng.

3.2. Yêu cầu về năng lực của nhà thầu

3.2.1. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm nhà thầu:

- Nhà thầu đã hoàn thành ít nhất **hai (02)** hợp đồng có tính chất và quy mô tương tự trong 5 năm gần nhất.

3.2.2. Yêu cầu về thiết bị:

- Nhà thầu có trách nhiệm huy động đầy đủ các thiết bị về chủng loại và số lượng đảm bảo thực hiện công việc bao gồm không giới hạn các thiết bị dưới đây:
 - + Máy toàn đạc điện tử và các dụng cụ đi kèm.

- + Máy thủy chuẩn, với các thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sau: Độ phóng đại ống kính của máy từ 30x trở lên; Giá trị vạch khắc trên mặt ống nước dài không được vượt quá 12”/2mm; Giá trị vạch khắc vành đọc số của bộ đo cực nhỏ từ 0,05mm đến 0,1mm.
- + Mía Invar với sai số các khoảng chia 1m, dm và toàn chiều dài mia không vượt quá 0,2mm;
- Nhà thầu lập danh sách thiết bị huy động để thực hiện công tác quan trắc. Trong đó mô tả thông số kỹ thuật cơ bản, năm sản xuất, số lượng...
- Các thiết bị phải có chứng nhận kiểm định/chứng nhận hiệu chuẩn do cơ quan có chức năng cấp còn hiệu lực đến thời điểm triển khai thực hiện công tác quan trắc;

3.2.3. Yêu cầu về năng lực nhân sự:

- Chủ nhiệm công trình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - + Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành trắc địa, bản đồ hoặc địa chính, có chứng chỉ hành nghề về khảo sát Địa hình từ hạng II trở lên;;
 - + Trong 3 năm trở lại đây đã đảm nhận vị trí Chủ nhiệm khảo sát Địa hình ít nhất 2 công trình cấp III hoặc 01 công trình cấp II trở lên (có bảng kê chi tiết và tài liệu chứng minh kèm theo).
- Các kỹ sư, kỹ thuật viên khác phải đáp ứng các điều kiện sau đây
 - + Nhà thầu phải bố trí tối thiểu 02 cán bộ kỹ thuật chuyên ngành trắc địa, bản đồ hoặc địa chính..
 - + Có thời gian làm việc trong lĩnh vực khảo sát địa hình 02 năm trở lên

3.2.4. Yêu cầu về tiến độ thực hiện công việc:

Nhà thầu trình bảng tiến độ quan trắc, trong đó thể hiện các công việc chính.

4. **Yêu cầu kỹ thuật về Dịch vụ:**

4.1. Tiêu chuẩn áp dụng

Công tác quan trắc thực hiện theo các tiêu chuẩn tại bảng dưới đây.

STT Số	Nội dung công việc	Số hiệu tiêu chuẩn	Ghi chú
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT	
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT	
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398-2012	
STT Số	Nội dung công việc	Số hiệu tiêu chuẩn	Ghi chú

4	Công trình dân dụng và công nghiệp - Xác định độ lún bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN9360:2024	
---	--	---------------	--

4.2. Quan trắc chuyên vị cầu cảng thông quan hệ thống mốc quan trắc.

a. Khối lượng khảo sát:

Dự kiến khối lượng quan trắc như sau:

STT Số	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
1	Kiểm tra tọa độ các mốc quan trắc, lưới đường chuyền cấp 2, địa hình cấp III (xây dựng lại các mốc quan trắc bị hư hỏng, thất lạc) – Không bao gồm cầu cảng số 5, 6. Khối lượng được lấy theo số lượng điểm quan trắc xây dựng trên cầu cảng số 0-4, 7-9 khi thực hiện kiểm định định kỳ năm 2017. –	Điểm	56
2	Lưới khống chế cao độ kỹ thuật, địa hình cấp III. Tạm tính trên cơ sở khoảng các dẫn truyền từ mốc gốc đến các mốc quan trắc – đo đi và về.	Km	10

b. Kiểm tra tọa độ các mốc quan trắc, lưới đường chuyền cấp 2, địa hình cấp III.

- Sử dụng các mốc quan trắc trên cầu cảng đã được xây dựng khi thực hiện kiểm định, định kỳ năm 2017
- Trường hợp mốc bị thất lạc hoặc hư hỏng không đảm bảo yêu cầu thì tiến hành xây dựng lại mốc mới phù hợp với TCVN9360:2024; của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.

4.3. Lập báo cáo kết quả quan trắc chuyên vị cầu cảng.

- Lập báo cáo kết quả quan trắc chuyên vị cầu cảng với các nội dung phù hợp quy định tại **điều 33** tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và các quy định trong TCVN9360:2024. –
- Trên cơ sở kết quả quan trắc và số liệu khảo sát các lần quan trắc trước đây nhà thầu cần đưa ra kết luận về độ dịch chuyển ngang, độ lún tại mỗi vị trí mốc quan trắc và đưa ra các kiến nghị, đề xuất về phương án bảo trì, sửa chữa hư hỏng cầu cảng (nếu có) để đảm bảo an toàn trong công tác vận hành, khai thác cảng.

5. **Trách nhiệm của nhà thầu:**

5.1. Lập phương án kỹ thuật quan trắc, khảo sát:

Nhà thầu có trách nhiệm lập Phương án kỹ thuật quan trắc với các nội dung như dưới đây trình Vietsovpetro xem xét, phê duyệt.

- Cơ sở lập Phương án kỹ thuật quan trắc;
- Thành phần, khối lượng công tác quan trắc : Nêu phạm vi và khối lượng công việc theo Yêu cầu kỹ thuật;
- Phương tiện, thiết bị huy động: Đưa ra danh mục các phương tiện, thiết bị sử dụng trong

đó ghi rõ tên gọi, số lượng, chủng loại và mục đích sử dụng;

- Danh mục tiêu chuẩn áp dụng;
- Phương pháp, quy trình thực hiện: Đưa ra các phương pháp, quy trình cho từng công việc từ hiệu chuẩn thiết bị tại hiện trường, đo lún công trình, đo dịch chuyển ngang công trình, các phương pháp xử lý số liệu đo, phương pháp tính toán thông số độ lún, phương pháp tính toán dịch chuyển ngang.
- Tổ chức thực hiện và biện pháp kiểm soát chất lượng của nhà thầu: Nhà thầu lập sơ đồ tổ chức thực hiện công việc với đầy đủ các vị trí chủ chốt như Chủ nhiệm Dự án; phụ trách công tác quan trắc hiện trường, xử lý số liệu; công tác lập báo cáo kết quả quan trắc;
- Tiến độ thực hiện: Lập tiến độ chi tiết từ công tác chuẩn bị, huy động nhân sự, thiết bị đến hiện trường, thực hiện công tác khảo sát tại hiện trường, xử lý số liệu, đo dịch chuyển ngang và lập báo cáo kết quả quan trắc, khảo sát;
- Lập biện pháp bảo đảm an toàn cho nhân sự, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực khảo sát; Biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường.

5.2. Công tác bảo đảm an toàn:

5.2.1. An toàn chung:

- a. Công tác quan trắc, khảo sát thực hiện trên các công trình cầu cảng do vậy khi thực hiện cần có kế hoạch, biện pháp hợp lý và đề phòng, tránh sai sót làm ảnh hưởng tới điều kiện khai thác của Cảng đồng thời đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trên Cảng.
- b. Tất cả nhân sự của nhà thầu thực hiện công việc tại hiện trường phải trang bị bảo hộ lao động phù hợp và đầy đủ đề phòng tai nạn, thực hiện các biện pháp an toàn lao động theo đúng quy định tại Quy định về Quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường đối với các nhà thầu, tài liệu số VSP-000-ATMT-448 rev.5 do Vietsovpetro ban hành.
- c. Tuân thủ tất cả các nội quy, quy định của Bến cảng Vietsovpetro, Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trong công tác khảo sát, bảo trì cảng.

5.2.2. An toàn bảo đảm bảo vệ sinh môi trường:

- a. Các rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại phát sinh trong quá trình quan trắc, khảo sát, cần được thu gom vào thùng có nắp đậy tránh ô nhiễm và tuyệt đối không được thải trực tiếp xuống vùng nước trước bến

5.2.3. Biện pháp phòng chống cháy nổ:

- a. Các thiết bị quan trắc, khảo sát phải được sắp xếp một cách gọn gàng, khoa học thuận lợi cho việc thực hiện ngoài hiện trường.
- b. Trong quá trình quan trắc, khảo sát tuyệt đối tuân thủ các quy định về Phòng chống cháy nổ của Bến cảng Vietsovpetro. .

5.3. Công tác chuẩn bị:

- a. Huy động đầy đủ phương tiện, thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công việc quan trắc.
- b. Huy động đầy đủ nhân sự và các nhân sự phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động;
- c. Thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết theo quy định để tiến hành công việc.

5.4. Các cam kết khác:

- a. Quá trình khảo sát cần có sự phối hợp chặt chẽ với Vietsovpetro, XNDV để kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện công việc;

6. **Trách nhiệm của Xí nghiệp Dịch vụ:**

6.1. Hỗ trợ cho các nhà thầu những công việc sau:

- a. Cung cấp, bàn giao số liệu, vị trí của các mốc không chế tọa độ, cao độ trong khu vực bến cảng Vietsovpetro cho nhà thầu.
- b. Giải phóng mặt bằng, di chuyển các phương tiện ra khỏi khu vực làm việc để cho nhà thầu thực hiện công việc.

6.2. Giám sát và kiểm tra trong quá trình nhà thầu làm công việc dịch vụ:

- a. Được quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát nhà thầu bất kỳ thời điểm hoặc giai đoạn nào của công việc dịch vụ..
- b. Có quyền tạm hoãn hoặc đình chỉ công việc của nhà thầu, khi nhận thấy các mối nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho người và thiết bị hoặc nhà thầu không tuân thủ theo quy trình đã đệ trình và được sự phê duyệt của chủ đầu tư.

7. **Khối lượng, địa điểm và tiến độ thực hiện công việc:**

7.1. Khối lượng:

- Trọn gói theo danh mục cung cấp dịch vụ. (Hàng ngày, trong suốt quá trình thực hiện Nhà thầu phải ghi nhật ký công trường để ghi chép, thống kê toàn bộ công việc dịch vụ đã thực hiện trong ngày).

7.2. Tiến độ thực hiện công việc:

- a. Nhà thầu lập và giao nộp báo cáo kết quả quan trắc chuyên vị cầu cảng để Vietsovpetro xem xét, phê duyệt trong vòng 25 ngày kể từ ngày hai bên bàn giao mặt bằng, trong đó Nhà thầu cần lập tiến độ chi tiết đáp ứng các mốc chính như sau:
 - Công tác chuẩn bị, huy động phương tiện, nhân sự, thiết bị đến hiện trường: Trong vòng 5 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
 - Thực hiện công tác quan trắc tại hiện trường: Hoàn thành trong vòng 5 ngày kể từ ngày hai bên thực hiện bàn giao mặt bằng.
 - Xử lý số liệu, lập và trình báo cáo kết quả quan trắc sơ bộ để Vietsovpetro xem xét, cho ý kiến chỉnh sửa: Hoàn thành trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên thực hiện bàn giao mặt bằng.
 - Vietsovpetro xem xét, cho ý kiến chỉnh sửa báo cáo kết quả quan trắc: 5 ngày;
 - Nhà thầu chỉnh sửa và giao nộp báo cáo kết quả quan trắc để Vietsovpetro xem xét, phê

duyet; 5 ngày sau khi nhận được ý kiến nhận xét của Vietsovpetro

7.3. Địa điểm thực hiện: Bến cảng Vietsovpetro, số 69 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh .

8. Yêu cầu về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp & an toàn môi trường:

- Trong quá trình thực hiện khảo sát nhà thầu phải tuân thủ các quy định về an toàn trong tài liệu: Quy định về Quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường đối với các nhà thầu, tài liệu số VSP-000-ATMT-448 rev hiện hành do Vietsovpetro ban hành;
- Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm và chi phí liên quan đến việc đảm bảo an toàn lao động cho các nhân viên và phương tiện của mình trong quá trình thực hiện công tác khảo sát;
- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, nội quy của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, XNDV trong thời gian tiến hành công việc.
- Nhà thầu phải có phương án, các trang thiết bị, vật tư đảm bảo công tác PCCC.
- Có trách nhiệm bồi hoàn đối với những thiệt hại, mất mát và tổn thất về người và tài sản của Vietsovpetro trong trường hợp do lỗi của Nhà thầu và người của Nhà thầu gây ra, trừ trường hợp bất khả kháng.

9. Hồ sơ, tài liệu:

9.1. Hồ sơ, tài liệu chào thầu kỹ thuật:

- Nhà thầu phải cung cấp nhưng không giới hạn tối thiểu các hồ sơ, tài liệu sau để làm cơ sở đánh giá kỹ thuật:
 - + Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhà thầu, bảng thống kê các công trình đã thực hiện;
 - + Phương án kỹ thuật quan trắc; công tác đảm bảo an toàn lao động, bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
 - + Quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng quan trắc;
 - + Sơ đồ tổ chức thực hiện công việc kèm theo hồ sơ của các nhân sự chủ chốt gồm bằng cấp, chứng chỉ, sơ yếu lý lịch (CVs);
 - + Các chứng chỉ của phương tiện, thiết bị;
 - + Tiến độ chi tiết cấp 4. .

9.2. Hồ sơ, tài liệu hoàn thành:

- Sau khi hoàn thành công tác khảo sát, nhà thầu chuyển giao hồ sơ, tài liệu cho Vietsoveptro theo danh mục dưới đây..

STT Số	Tên tài liệu	Số lượng
1	Báo cáo kết quả quan trắc chuyển vị cầu cảng và các phụ lục, bản vẽ đính kèm báo cáo.	4 bộ gốc

2	Hồ sơ nghiệm thu trong quá trình thực hiện công việc	4 bộ
3	File điện tử báo cáo, bản vẽ, số liệu thô đo tại hiện trường bao gồm định dạng file gốc (Word, Excel, AutoCad...) và bản scan file báo cáo kết quả quan trắc, bảo trì, file hồ sơ nghiệm thu có đầy đủ chữ ký của nhà thầu và Vietsovpetro.	1 bộ

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

Gói thầu: Cung cấp dịch vụ Bảo trì cầu cảng

"Quan trắc chuyển vị cầu cảng thông qua hệ thống mốc quan trắc trên cầu cảng (không bao gồm cầu cảng số 5-6)"

STT Mã n/n	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	16		10
1.1	Trong 5 năm gần nhất đã từng thực hiện ít nhất một (02) hợp đồng có tính chất và quy mô tương tự.		8	8
1.2	Ngoài ra, cứ có thêm 01 hợp đồng tương tự sẽ được cộng thêm 02 điểm nhưng tối đa không được cộng quá 4 điểm.		4	0
1.3	Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự và có bảng kê chi tiết đính kèm (có hồ sơ chứng minh kèm theo như: Xác nhận của chủ đầu tư, bằng khen; các tài liệu chứng minh khác...)		4	2
2	Giải pháp và Phương pháp luận	50		40

2.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu (Chào đúng, đủ phạm vi công việc và khối lượng công việc của gói thầu)		2	2
2.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận: Phương án kỹ thuật quan trọng, khảo sát: Với đầy đủ các nội dung như quy định tại mục 5.1 tài liệu Yêu cầu kỹ thuật. Trong đó các nội dung trong PAKT cần trình bày đầy đủ, chi tiết, rõ ràng, dễ hiểu, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cũng như các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng. Có sự phù hợp giữa kế hoạch huy động phương tiện, thiết bị, nhân sự và và tiến độ thực hiện.		20	16
2.3	Cách trình bày: Đề xuất, trình bày một cách hợp lý, dễ hiểu và thuyết phục.		4	2
2.4	Kế hoạch triển khai, tiến độ thực hiện công việc Có bảng tiến độ chi tiết cho từng công việc, từng giai đoạn theo quy định tại mục 7.2 Yêu cầu kỹ thuật. Trình tự và thời gian thực hiện công việc trong bảng tiến độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, phù hợp với kế hoạch huy động nhân sự và thiết bị khảo sát, phù hợp với kế hoạch triển khai công việc.		8	6
2.5	Sơ đồ tổ chức nhân sự thực hiện công việc với đầy đủ các vị trí chủ chốt đáp ứng yêu cầu Kỹ thuật, trong sơ đồ chỉ ra được sự phối hợp thực hiện công việc giữa các nhân sự của nhà thầu và giữa Chủ đầu tư và nhà thầu.		6	4
2.6	Huy động thiết bị thực hiện gói thầu Thiết bị huy động đáp ứng yêu cầu qui định tại mục 3.2.2 trong Yêu cầu kỹ thuật		6	4
2.7	Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ		4	2
3	Nhân sự thực hiện gói thầu	34		24
3.1	Chủ nhiệm công trình:	22		18
3.1.1	Có chứng chỉ hành nghề về khảo sát Địa hình từ hạng II trở lên, bằng tốt nghiệp Đại học (có công chứng kèm theo).		10	10

3.1.2	Trong 3 năm trở lại đây đã đảm nhận vị trí Chủ nhiệm khảo sát ít nhất 2 công trình cấp III hoặc 01 công trình cấp II trở lên (có bảng kê chi tiết và tài liệu chứng minh kèm theo)		8	8
3.1.3	Ngoài ra, cứ có thêm 01 công trình làm chủ nhiệm dự án sẽ được cộng thêm 2 điểm nhưng tối đa không được cộng quá 4 điểm.		4	0
3.2	Các kỹ sư, kỹ thuật viên khác:	12		6
3.2.1	Kỹ thuật viên chuyên ngành trắc địa, bản đồ hoặc địa chính, (Tối thiểu 02 người) với đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ phù hợp với chuyên môn.		6	4
3.2.2	Có thời gian làm việc trong lĩnh vực khảo sát địa hình từ 02 năm trở lên		2	2
3.2.3	Ngoài ra, cứ thêm 01 năm làm việc trong lĩnh vực khảo sát Địa hình được cộng thêm 2 điểm, nhưng tối đa không được cộng quá 4 điểm.		4	0
Tổng điểm đánh giá - Сумма баллов		100	100	80

- Các Hồ sơ dự thầu đạt yêu cầu kỹ thuật khi đáp ứng 2 điều kiện:

+ Có tổng số điểm từ 80 điểm trở lên.

+ Số điểm các mục có yêu cầu về số điểm tối thiểu, không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu tương ứng.

- *Тендерные предложения соответствуют техническим требованиям при выполнении 2-х условий:*

+ *Общий балл 80 и более.*

+ *Количество баллов отдельных пунктов не ниже соответствующего минимального необходимого балла.*